

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24-11-2020

*“Tranh chấp giữa nam nữ
chung sống với nhau như vợ chồng
mà không đăng ký kết hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Oanh Kiều

Bà Trần Thị Tím

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 482/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về *“Tranh chấp giữa nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Nh, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp BT B, xã ThS, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh Kim Chí L, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp GTr, xã NX, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/10/2020, nguyên đơn là chị Phạm Thị Nh trình bày: Chị Phạm Thị Nh và anh Kim Chí L sống chung như vợ chồng từ năm 2014, không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống hai người có với nhau một người con chung là cháu Kim Thị N.Y, sinh ngày 23/02/2015. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do sau khi sống chung với nhau được một thời gian thì thường xuyên xảy ra cự cãi với nhau, hai bên hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong công việc làm ăn, sau đó sống ly thân đến nay cũng đã hơn một năm. Tại phiên hòa giải ngày 28/10/2020 chị Nh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị với anh Kim Chí L là vợ chồng. Về con chung thì chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Kim Thị N.Y, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, quá trình chung sống không có tài sản chung và cũng không có khoản nợ chung nào với ai.

Tại phiên hòa giải ngày 28/10/2020 bị đơn là anh Kim Chí L trình bày: Anh và chị Phạm Thị Nh quen biết và sống chung như vợ chồng từ năm 2014 nhưng không có đăng ký kết hôn, thời gian đầu thì cuộc sống cũng có hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như trong làm ăn. Giữa hai người có một người con chung là cháu Kim Thị NY, nay anh cũng thống nhất đề Tòa án tuyên bố hai người không phải là vợ chồng, đồng ý để chị Nh tiếp tục nuôi dưỡng cháu Kim Thị N.Y, vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ kiện tranh chấp giữa nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Kim Chí L cư trú tại xã NX, huyện TC nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện: Chị Phạm Thị Nh và anh Kim Chí L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014 nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, hai người sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay hơn một năm, tại phiên hòa giải chị Nh và anh L cũng đã thống nhất chia tay, không tiếp tục sống chung với nhau nữa và đồng ý cho Tòa án xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ giữa chị Nh và anh L không phải là quan hệ hôn nhân hợp pháp, anh chị có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định nhưng lại không đăng ký là vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình, do đó không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận chị Phạm Thị Nh và anh Kim Chí L là vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị Phạm Thị Nh và anh Kim Chí L thống nhất trong thời gian sống chung hai người có với nhau một người con chung là cháu Kim Thị N.Y, sinh ngày 23/02/2015, tại phiên hòa giải ngày 28/10/2020 anh chị thỏa thuận giao cháu N.Y cho chị Nh tiếp tục nuôi dưỡng, chị Nh tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự thỏa thuận tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác nhận không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị Nh phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không công nhận chị Phạm Thị Nh và anh Kim Chí L là vợ chồng.
2. Về con chung: Giao cháu Kim Thị N.Y, sinh ngày 23/02/2015 cho chị Phạm Thị Nh tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Nh tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Anh Kim Chí L không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được quyền ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với chị Phạm Thị Nh.
3. Về án phí: Chị Phạm Thị Nh phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp trước 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003364 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.
4. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Duyên